

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 26/2023/ DS-ST

Ngày: 15 /6/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh, bà Ngô Thị Mai .

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/TLST-DS ngày 17/4/2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản ; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023;

*** Nguyên đơn:** Ông Hà Văn S, sinh năm 1948 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 512, đường Lê L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. – Xin vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1987 - Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi N vụ liên quan:**

- Bà Hà Thị K, sinh năm 1952 (vợ ông S) - Xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Hà Thị N, sinh năm 1986 (vợ anh T) - Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Hà Văn S trình bày:** Do có mối quan hệ họ hàng quen biết nên ông cho cho

anh Trần Văn T vay tổng số tiền 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng). Cụ thể các lần vay:

Ngày 14/8/2021 dương lịch, ông cho anh T vay số tiền 350.000.000 đồng.

Ngày 13/01/2022 dương lịch, ông cho anh T vay số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 17/02/2022 dương lịch, ông cho anh T vay số tiền 120.000.000 đồng.

Anh T vay tiền mục đích để phát triển kinh tế . Khi vay lãi suất thỏa thuận miệng 01%/tháng, thời hạn vay tiền có thỏa thuận miệng với nhau khi nào ông cần tiền thì ông báo trước cho anh T nửa tháng để anh T thu xếp trả . Khi vay tiền , anh T là người nhận tiền và ký vào giấy vay tiền . Khi nhận tiền thì chỉ có anh T, không có vợ anh T đi cùng. Đến thời hạn thanh toán , anh T chưa trả ông một phần tiền gốc nào, nhưng anh T đã trả cho ông tiền lãi đến ngày 17/3/2022, cụ thể trả bao nhiêu tiền lãi thì ông không nhớ vì cũng không ghi chép sổ sách . Đến cuối tháng 3/2022 thì ông đến nhà đòi tiền anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn trốn tránh không trả . Nay, ông đề nghị Toà án nhân dân huyện Lạng Giang buộc anh Trần Văn T phải trả số tiền gốc là 540.000.000đ (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 18/3/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên toà hôm nay ông yêu cầu chị N vợ anh T cũng có N vụ cùng anh T thanh toán cho ông tiền nợ gốc và lãi vì mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình, sau ngày 17/03/2022 đến nay thì vợ chồng anh T có trả thêm cho ông số tiền 25 triệu đồng, thời gian cụ thể ông không nhớ, nay ông đồng ý trừ vào tiền lãi sau khi Toà án tính lãi đến ngày hôm nay 15/06/2023. Số tiền cho vay là ông vay của người khác rồi cho anh T vay lại, không phải là tiền chung của vợ chồng ông, vợ ông không liên quan.

Tại phiên toà Luật sư trợ giúp pháp lý cho ông Hà Văn S xin vắng mặt, ông S đề nghị xét xử vắng mặt Luật sư.

*** Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:** Gia đình anh và ông Hà Văn S là chỗ họ hàng quen biết nên anh có vay tiền của ông S 03 lần:

Ngày 14/8/2021 dương lịch, ông S cho anh vay số tiền 350.000.000 đồng.

Ngày 13/01/2022 dương lịch, ông S cho anh vay số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 17/02/2022 dương lịch, ông S cho anh vay số tiền 120.000.000 đồng.

Anh vay tiền mục đích để phát triển kinh tế gia đình . Khi vay lãi suất thỏa thuận miệng là 1.300 đồng – 3.000 đồng/1 triệu/ngày. Về thời hạn trả thì thỏa thuận miệng đến khi nào ông S cần tiền thì báo trước cho anh một khoảng thời gian để anh thu xếp trả nợ . Khi vay tiền thì ông S là người viết giấy , còn anh là người ký vào giấy vay tiền . Đến nay, anh đã trả tiền lãi cho ông S nhiều lần đến hết ngày 17/3/2022, cụ thể trả bao nhiêu thì anh không nhớ vì anh không có tài liệu chứng minh, còn số tiền gốc anh vẫn chưa trả được cho ông S. Nay ông S khởi kiện anh trả số tiền gốc 540.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm thì anh đồng ý nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn làm ăn thua lỗ, tiền lãi phải đóng nhiều nên anh xin trả dần mỗi tháng khoảng 7-8 triệu đồng vào tiền gốc , còn tiền lãi sau khi trả hết tiền gốc thì tôi trả tiền lãi.

Tại phiên toà hôm nay anh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S, sau ngày 17/03/2023 đến nay vợ chồng anh có trả thêm ông S được 25.000.000đồng, anh đồng ý trừ vào tiền lãi như ông S trình bày. Việc vay tiền sử dụng cho kinh doanh gia đình. Vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm trả ông S, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh sẽ trả dần tiền gốc cho ông S.

***Người có quyền lợi N vụ liên quan bà Hà Thị K trình bày:** Việc ông S cho anh T vay tiền thì bà không biết vì khi cho vay ông S cũng không nói chuyện với bà và là tiền riêng của ông S nên bà không liên quan đến vụ án, bà đề nghị không triệu tập bà tham gia tố tụng và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật . Do điều kiện sức khoẻ yếu nên bà xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

***Người có quyền lợi N vụ liên quan chị Hà Thị N trình bày:** Do có mối quan hệ họ hàng quen biết nên chồng chị (anh T) có vay của ông S số tiền 350.000.000 đồng. Mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình, khi vay lãi suất thoả thuận miệng 1.300 đồng/triệu/ngày. Số tiền lãi thì anh T là người trả cho ông S. Còn những khoản vay khác thì anh T có nói với chị là vay thêm tiền của ông S nhưng cụ thể số tiền bao nhiêu, lãi suất thoả thuận thế nào thì chị không nắm được vì kinh tế đều do anh T đảm nhiệm . Nay ông S khởi kiện anh trả số tiền gốc 540.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm thì chị đồng ý và đề nghị Toà án xem xét giải quyết quy định pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay chị đồng ý cùng với anh T sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền cho ông S, vì anh T vay tiền để kinh doanh cho gia đình, chị đồng ý với ý kiến của anh T.

Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quyền và N vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn S: Buộc anh Trần Văn T phải trả cho ông S số tiền gốc là 540.000.000 (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 18/3/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

Về án phí: anh Trần Văn T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của ông S cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án bà Kiệm có ý kiến xét xử vắng mặt. Luật sư trợ giúp pháp lý cho ông S xin vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Kiệm và Luật sư trợ giúp pháp lý cho ông S.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ giữa ông Hà Văn S và anh Trần Văn T là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được qui định tại các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy:

Trong các giấy vay tiền có thể hiện ông Hà Văn S cho anh T vay tổng số tiền 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng). Cụ thể các lần vay:

Ngày 14/8/2021 dương lịch, ông cho anh T vay số tiền 350.000.000 đồng.

Ngày 13/01/2022 dương lịch, ông cho anh T vay số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 17/02/2022 dương lịch, ông cho anh T vay số tiền 120.000.000 đồng.

Khi viết giấy các bên không thoả thuận về thời hạn trả , không thoả thuận về lãi suất, tại Toà án các bên đều thừa nhận trả lãi đến ngày 17/3/2022. Đến ngày 12/4/2023 ông S nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu anh T phải trả số tiền 540.000.000đ và tiền lãi theo lãi xuất 10%/ năm kể từ ngày 18/03/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Trong các giấy vay tiền có thể hiện ông S có cho anh T vay tổng số tiền 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng). Cụ thể các lần vay:

Ngày 14/8/2021 dương lịch, ông cho anh T vay số tiền 350.000.000 đồng.

Ngày 13/01/2022 dương lịch, ông cho anh T vay số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 17/02/2022 dương lịch, ông cho anh T vay số tiền 120.000.000 đồng.

Khi vay tiền, anh T là người nhận tiền và ký vào giấy vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng thừa nhận có vay tiền của ông S làm 3 lần, với tổng số tiền 540.000.000 đồng, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn chưa trả được nên anh xin trả dần; chị N vợ anh T trình bày có biết việc anh T có vay tiền của ông S, cụ thể bao nhiêu tiền thì chị không nắm được , mục đích vay tiền để phát triển kinh tế gia đình. Xét thấy, lời khai của anh T, chị N phù hợp với lời khai của ông S. Như vậy, có thể khẳng định rằng việc anh T có nợ của ông S số tiền 540.000.000 đồng căn cứ, khi vay tiền chỉ có một mình anh T ký và nhận tiền, tuy nhiên việc vay tiền vì mục đích phát triển kinh tế gia đình, chị N đồng ý cùng anh T có N vụ thanh toán cho ông S. Tại phiên toà ông S cũng đề nghị anh T, chị N cùng có N vụ thanh toán cho ông S, theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình có quy định về N vụ chung về tài sản của vợ chồng “ Vợ chồng có các N vụ chung về tài sản sau đây: N vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình” nên

chị N có N vụ liên đới cùng với anh T thanh toán số nợ cho ông S. Nên yêu cầu khởi kiện của ông S yêu cầu anh T, chị N phải trả tiền nợ gốc 540.000.000đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) là có căn cứ được chấp nhận phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự.

[6]. Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án ông S yêu cầu anh T, chị N phải trả tiền lãi từ khi 18/3/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm. Quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày: khi vay tiền có thỏa thuận về tiền lãi là 1.300 đồng – 3.000 đồng/1 triệu/ngày, hiện đã trả cho ông S tiền lãi đến ngày 17/3/2022, và đã trả tiền lãi cho ông S nhiều lần và nhiều tiền, cụ thể bao nhiêu thì anh không nhớ và anh không có tài liệu chứng minh về việc trả lãi cho ông S và không có ý kiến gì về số tiền lãi đã trả. Đối với yêu cầu trả tiền lãi thì thấy : anh T trình bày vay với lãi suất 1.300 đồng – 3.000 đồng/1 triệu/ngày; ông S trình bày khi vay lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng, do các bên có tranh chấp về lãi suất và không xác định được mức lãi suất . Tại phiên tòa hôm nay , ông S đề nghị tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm, anh T đồng ý. Đối với yêu cầu trả tiền lãi của ông S, do không xác định được mức lãi suất và các đương sự đồng ý với mức lãi suất 10%/ năm, nên thuộc trường hợp không xác định được lãi suất thì lãi suất sẽ được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ, nên chấp nhận tính theo lãi suất 10%/ năm đối với yêu cầu tính lãi của ông S.

- Số tiền 540.000.000đồng tính lãi từ ngày 18/3/2022 đến khi xét xử sơ thẩm (15/6/2023) là 14 tháng, 29 ngày.

Số tiền 540.000.000đồng x lãi suất 10%/ năm = 540.000.000đồng x10%/ năm, tức 4.500.000đồng/tháng và 150.000 đồng/ngày) x 14 tháng, 29 ngày = 63.000.000 đồng + 4.350.000 đồng = 67.350.000 đồng tiền lãi

Tại phiên tòa các bên thừa nhận sau ngày 17/03/2022 anh T, chị N đã thanh toán trả cho ông S số tiền 25.000.000đồng và đồng ý trừ vào tiền lãi sau khi tính lãi đến ngày xét xử, như vậy tiền lãi sẽ còn: 67.350.000 đồng – 25.000.000đồng = 42.350.000đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi anh T phải thanh toán trả là: 582.350.000đồng, trong đó nợ gốc 540.000.000đồng , nợ lãi 42.350.000đồng.

[7]. Về án phí: Ông Hà Văn S không phải chịu án phí, anh T, chị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

2 Xử: Buộc anh Trần Văn T, chị Hà Thị N phải trả cho ông Hà Văn S số tiền 582.350.000đồng,(Năm trăm tám mươi hai triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng) trong đó nợ gốc 540.000.000đồng, nợ lãi 42.350.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3 . Về án phí: Anh Trần Văn T, chị Hà Thị N phải chịu 27.294.000đồng án phí DSST.

Ông Hà Văn S không phải chịu án phí DSST.

4 . Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

Lê Thu Hà

